TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2025/DS-ST
Ngày 23/9/2025
Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên phiên: Bà Nguyễn Thị Thu Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lưu và bà Lê Thị My

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Hoàng Dương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-DS ngày 03/9/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-DS ngày 11/9/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kiều X**, sinh năm 1987, địa chỉ: Khu phố Hà Thượng, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị (trước đây là Thôn Hà Thượng, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 18/4/2025):* Bà **Hoàng Thị H** - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Trương Quang Thêm; địa chỉ: 74 Lý Thường Kiệt, khu phố 2, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn Ph, xã G, tỉnh Quảng Trị (trước đây là Thôn Ph, xã M, huyện G, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông **Hoàng Văn D,** địa chỉ: Khu phố H, xã G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2025, đơn trình bày ngày 25/5/2025, đơn trình bày ngày 29/6/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều X, người đại diện của nguyên đơn luật sư Hoàng Thị H trình bày:

Ngày 07/4/2023 ông Nguyễn Văn S đã đến nhà bà Nguyễn Thị Kiều X đặt

vấn đề vay tiền kinh doanh. Sau khi hai bên thỏa thuận (bằng miệng) về lãi suất hàng tháng là 20%/năm và số tiền vay được chuyển khoản từng đợt; thời hạn vay là 01 năm. Theo đó, bà X đã thực hiện đúng cam kết thỏa thuận của bên cho vay là đã chuyển tiền từ số tài khoản 3905888879999, ngân hàng Agribank, tên chủ tài khoản Nguyễn Thị Kiều X đến số tài khoản thụ hưởng 3905555518888, ngân hàng Agribank, tên chủ tài khoản Nguyễn Văn S theo các đợt cụ thể: Ngày 07/4/2023 chuyển 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng); ngày 11/4/2023 chuyển 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng); ngày 12/4/2023 chuyển 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); ngày 08/5/2023 chuyển 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Tính từ ngày 07/4/2023 đến ngày 08/5/2023, tổng số tiền các lần chuyển là 49.000.000 đồng.

Theo cam kết giữa bên vay và bên cho vay, thời hạn trả tiền là 01 năm, ngày 07/4/2024 bà X đã gọi điện và gặp trực tiếp để yêu cầu ông S trả tiền gốc và lãi. Tuy nhiên, ông S không thực hiện nghĩa vụ của bên vay tiền. Vì vậy, bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc ông Nguyễn Văn S phải trả cho bà X số tiền 66.460.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc 49.000.000 đồng, tiền lãi 17.960.000 đồng (tính từ ngày 07/4/2023 đến ngày 04/02/2025 là 22 tháng: 20%/năm x 22 tháng x 49.000.000 đồng).

Giao dịch vay tài sản, thỏa thuận lãi suất, thời điểm tính lãi suất, thời hạn trả nợ giữa bà X, ông S không thực hiện bằng văn bản hoặc thư từ điện tử mà thỏa thuận bằng miệng nên nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ để giao nộp cho Tòa án.

Tại bản trình bày nội dung vụ án và quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ngày 23/9/2025, người đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi đối với khoản vay, xác định lại yêu cầu khởi kiện là buộc ông Nguyễn Văn S phải trả cho bà Nguyễn Thị Kiều X số tiền gốc đã vay là 49.000.000 đồng.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 06/5/2025 và tại phiên hòa giải ngày 06/5/2025 bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày

Ông Nguyễn Văn S hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giữa ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Kiều X không có giao dịch vay mượn tiền như nguyên đơn trình bày mà giữa bị đơn và nguyên đơn có giao dịch mua bán đất và làm thủ tục giấy tờ đất cho nhau, bà X có chuyển khoản nhiều lần cho ông S với số tiền 49.000.000 đồng. Cụ thể: số tiền 30.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Kiều X chuyển khoản cho ông S là tiền để giữ chỗ 03 lô đất tại thôn Phước Thị, xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị của bà Nguyễn Thị G. 03 lô đất này ông S mua của bà Nguyễn Thị G và trong quá trình đang làm thủ tục nên để giữ 03 lô đất bà X đã chuyển cho ông S nhiều lần tổng cộng 30.000.000 đồng và hiện các lô đất này chưa làm xong thủ tục giấy tờ nên ông S còn nợ bà X 30.000.000 đồng (Đối với việc giữ chỗ 03 lô đất này giữa ông S và ông D (chồng bà X) có hợp đồng với nhau). Ông S đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Kiều X với điều kiện bà X phải hủy bỏ hợp đồng giữa ông S và ông D.

Đối với số tiền 19.000.000 đồng, ông S thừa nhận có nhận của bà X bằng hình thức chuyển khoản để làm giấy tờ lô đất tại Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh. Tuy nhiên,

sau đó bà X đã nhờ người khác làm giấy tờ nên yêu cầu ông S trả lại số tiền 19.000.000 đồng. Sau đó, ông S đã thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt cho bà X thông qua việc mua bán đất của bà Nguyễn Th tại địa chỉ thôn Phước Thị, xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Nên bà X yêu cầu trả số tiền 19.000.000 đồng thì ông S không đồng ý.

Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu ông S không đồng ý vì đây không phải là tiền vay. Giữa ông S và bà X không có thỏa thuận nào về nội dung này. Việc nhận 30.000.000 đồng là tiền giữ chỗ lô đất giữa ông S và bà X có hợp đồng cho nhau và ông sẽ cung cấp sau cho Tòa.

Người làm chứng ông Hoàng Văn D trình bày:

Ông Hoàng Văn D là chồng của bà Nguyễn Thị Kiều X, được biết trong quá trình giải quyết vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa vợ ông là nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều X với bị đơn là ông Nguyễn Văn S, ông S có trình bày giữa ông D và ông S có giao dịch về giữ 03 lô đất và có hợp đồng với nhau. Tuy nhiên, đây chỉ là trình bày một phía từ ông S, còn thực tế giữa ông D và ông S không hề có giao dịch gì liên quan đến đất đai, tiền bạc để cấn trừ nghĩa vụ trong vụ án này cả. Ông S cố tình nại ra lý do để kéo dài thời gian giải quyết vụ việc, nay vợ ông khởi kiện cũng đã lâu nhưng vẫn chưa giải quyết dứt điểm được nên ông D xác định không liên quan gì đến việc khởi kiện giữa vợ ông là bà Nguyễn Thị Kiều X với ông Nguyễn Văn S. Vợ ông cho ông S vay là khoản vay cá nhân, độc lập giữa vợ ông và ông S, ông D cũng không có giao dịch vay mượn tiền gì với ông S.

Ông Hoàng Văn D – chồng bà Nguyễn Thị Kiều X xác định số tiền bà X cho ông Nguyễn Văn S vay là tài sản riêng của bà X, đồng thời giữa ông D và ông S không có giao dịch, thỏa thuận gì liên quan đến đất đai, tiền bạc để cấn trừ nghĩa vụ trong vụ án nên ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án này.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Ba lần chuyển tiền đầu tiên (ngày 07/4/2023: 4.000.000 đồng; ngày 11/4/2023: 14.000.000 đồng; ngày 12/4/2023: 6.000.000 đồng) bà X chỉ ghi nội dung "X chuyển khoản", không thể hiện rõ mục đích cho vay. Trong khi đó, bị đơn không thừa nhận đây là khoản vay mà cho rằng là tiền liên quan đến đặt cọc mua bán đất. Nhận thấy, do nguyên đơn chưa cung cấp được chứng cứ bổ sung nào khác ngoài sao kê chuyển khoản, nên chưa đủ cơ sở pháp lý để xác định 24.000.000 đồng này là khoản vay. Đối với lần chuyển ngày 08/5/2023 với số tiền 25.000.000 đồng, chứng từ ngân hàng thể hiện rõ nội dung "cho S mượn". Đây

là chứng cứ trực tiếp chứng minh sự tồn tại của quan hệ vay tài sản. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản". Và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Văn S phải trả cho bà Nguyễn Thị Kiều X số tiền 49.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều X khởi kiện ông Nguyễn Văn S, cư trú tại địa chỉ thôn Ph, xã G, tỉnh Quảng Trị (trước đây là thôn Ph, xã Ch, huyện G, tỉnh Quảng Trị) yêu cầu buộc trả nợ vay. Đây là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gio Linh được Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị kế thừa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi đối với khoản vay. Xét thấy, đương sự tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên cần chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều X:

[2.1] Về căn cứ xác lập giao dịch: Bà Nguyễn Thị Kiều X đã chuyển cho ông Nguyễn Văn S 49.000.000 đồng theo hình thức chuyển khoản. Ông S thừa nhận đã nhận 49.000.000 đồng từ bà X theo phương thức trên. Nội dung này phù hợp với tài liệu bà X giao nộp và văn bản trả lời của Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gio Linh, Quảng Trị, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Quảng Trị cung cấp. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về xác định số tiền chưa trả: Bà X cho rằng giao dịch 49.000.000 đồng nêu trên với ông S là vay tài sản. Ông S không thừa nhận vay tiền mà cho rằng bà X chuyển tiền để thực hiện các giao dịch về đất đai, trong đó gồm 30.000.000 đồng là

tiền giữ cọc 3 lô đất có hợp đồng với chồng bà X và 19.000.000 đồng là tiền bà X nhờ làm giấy tờ đất nhưng sau đó ông đã trực tiếp trả 19.000.000 đồng tiền mặt cho bà X trong một giao dịch mua bán đất khác. Tại phiên hòa giải ngày 06/5/2025, ông S trình bày sẽ cung cấp tài liệu cho Tòa án nhưng sau đó Tòa án 02 lần yêu cầu ông cung cấp tài liệu, chứng cứ trên, ông vẫn không thực hiện. Mặt khác, ông Hoàng Văn D (chồng bà X) không thừa nhận liên quan đến giao dịch giữa bà X và ông S, không có nghĩa vụ để cấn trừ trong vụ án. Nhận thấy trình bày giữa các bên có mâu thuẫn, Tòa án đã thông báo tiến hành đối chất giữa bà X – ông S và giữa ông S – ông D nhưng không thực hiện được vì ông S không đến tham gia. Mặt khác, kiểm tra, đối chiếu các lần chuyển tiền giữa bà X, ông S không cho kết quả tương ứng với các lần giao dịch số tiền 30.000.000 đồng và 19.000.000 đồng như ông S trình bày. Đồng thời, mâu thuẫn với nội dung giao dịch chuyển khoản số tiền 25.000.000 đồng ngày 08/5/2023 của bà X là "Cho S muon". Qua những phân tích nêu trên, đánh giá được trình bày của ông S là không có căn cứ. Xem xét các chứng từ chuyển khoản của bà X tại các ngân hàng có nội dung "Nguyen Thi Kieu Xuan chuyen tien", "Cho S muon" phù hợp với thực tế về việc ông S đã nhận 49.000.000 đồng từ tài khoản bà X. Bà X xác nhận từ khi vay tiền đến nay, ông S chưa từng trả nợ, ông S cũng không có tài liệu chứng minh việc đã trả 19.000.000 đồng cho bà X. Vì vậy, có cơ sở để xác định ông Nguyễn Văn S còn nợ bà Nguyễn Thị Kiều X số tiền 49.000.000 đồng.

[2.3] Về xác định loại hợp đồng: Xét thấy, trong hồ sơ vụ án không có tài liệu chứng minh giữa bà X, ông S tồn tại giao dịch dân sự nào khác, bà X xác định không tặng cho hay dùng số tiền trên để mua bán tài sản, đặt cọc ... với ông S mà khẳng định là cho ông S vay tiền. Thấy rằng, việc bà X chuyển tiền cho ông S là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bà X giao tiền (theo phương thức chuyển khoản) cho ông S và yêu cầu ông S phải hoàn trả cho bà X đầy đủ số tiền đó khi đến hạn là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự về hợp đồng vay tài sản. Đây không phải là trường hợp người chiếm hữu tài sản hưởng lợi vô căn theo quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự và cũng không thuộc trường hợp hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, quan điểm đại diện Viện kiểm sát cho rằng cần xác định lại quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản" là không phù hợp. Hội đồng xét xử xác định giao dịch giữa bà X, ông S là vay tài sản nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2.4] Về thời hạn và lãi suất vay: Bà X cho rằng giữa bà X và ông S có thỏa thuận bằng lời nói về thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 27/4/2023 và lãi suất vay là 20%/năm. Tuy nhiên, phía ông S không thừa nhận nội dung trên, bà X không có tài liệu hay nhân chứng nào để chứng minh. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã rút yêu cầu tính lãi đối với khoản vay. Do đó, cần xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà X, ông S là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi.

[2.5] Về hiệu lực hợp đồng và quyền, nghĩa vụ giữa các bên: Tại thời điểm thực hiện hợp đồng, bà X, ông S đều là những chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã tự nguyện xác lập, thực hiện hợp đồng vay tài sản, nội dung, mục đích giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp

đồng vay tài sản giữa bà X ông S có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Theo đó, Điều 466, 469 Bộ luật Dân sự quy định về quyền của bên cho vay được đòi lại tài sản vào bất cứ lúc nào và bên vay phải có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn. Vì vậy, bà X có quyền yêu cầu ông S trả nợ vay.

Từ những phân tích tại [2.1], [2.2], [2.3], [2.4] và [2.5], Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà X được chấp nhận nên cần buộc ông Nguyễn Văn S chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 , điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều X: Buộc ông Nguyễn Văn S trả cho bà Nguyễn Thị Kiều X 49.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu đồng)* là khoản nợ hợp đồng vay tài sản phát sinh từ giao dịch chuyển tiền các ngày 07/4/2023, 11/4/2023, 12/4/2023 và 08/5/2023 giữa bà Nguyễn Thị Kiều X và ông Nguyễn Văn S.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi vay của bà Nguyễn Thị Kiều X.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn S phải chịu 2.450.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kiều X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.661.500 đồng *(Một triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000466 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 8, QT;
- Cục THADS Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Phượng